

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022 – 2023

Căn cứ khung chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành theo Thông tư 32/2018 của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết cho các môn học.

Thực hiện thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (CTGDPT 2018) đối với lớp 1, 2, 3;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ GDĐT về ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ công văn số 244/PGDĐT-GDTH ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Buôn Hồ về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022-2023 trên địa bàn thị xã Buôn Hồ;

Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học 2022 – 2023 số 49/KH-AMK ngày 14 tháng 10 năm 2022 của trường tiểu học Ama Khê;

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả học kì 1, trường Tiểu học Ama Khê xây dựng Kế hoạch học kì II năm học 2022 -2023 cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC HỌC KỲ I

1. Ưu điểm:

a. Ban giám hiệu:

- Hàng tháng chuyên môn lên và triển khai kế hoạch kịp thời.
- Thực hiện tương đối tốt công tác chỉ đạo các hoạt động trong nhà trường.
- Thực hiện công tác báo cáo với các cấp đầy đủ kịp thời.
- Chỉ đạo tốt công tác ra đề và kiểm tra giữa học kỳ, cuối học kỳ.
- Đã kiểm tra toàn diện Đ/c Lê Thị Mai Khanh, Đ/c Lê Thị Thanh Tâm và Đ/c Đàm Thị Tuyết (3 GV đều đạt loại tốt).
- Đã tổ chức thi “Trạng Nguyên Tiếng Việt” cấp trường (4 em đạt trên 200 điểm)
- Đã tổ chức thi IOE cấp trường (1 em đạt 1190 điểm)
- Học sinh đã tham gia thi IOE cấp thị xã (Em H Jêl Mlô đạt 1350 điểm)

- Học sinh đã tham gia “Liên hoan Tuyên truyền măng non” tại trường THCS Nguyễn Du.

b. Giáo viên:

- Thực hiện đầy đủ đúng kế hoạch đã đề ra.
- 100% giáo viên trong trường thực hiện đầy đủ chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của ngành, của trường, hưởng ứng mạnh mẽ cuộc vận động học tập và làm theo phong cách đạo đức Hồ Chí Minh.
- Thực hiện soạn giảng đúng phân phối chương trình, kế hoạch tổng thể của học kỳ I.
- Thực hiện tốt quy chế chuyên môn trong việc chữa bài, đánh giá, nhận xét, xếp loại học sinh theo thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và thông tư 22/2016/BGD sửa đổi một số điều của thông tư 30/2014/BGD.
- Tổ chức mở được 04 chuyên đề cấp trường. (CĐ dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 (Bộ sách KNTTVCS); CĐ dạy học môn Đạo đức lớp 1 (Bộ sách KNTTVCS); CĐ nâng cao năng lực dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 (Bộ sách KNTTVCS); CĐ nâng cao năng lực dạy học môn Toán lớp 3 (Bộ sách KNTTVCS);
- Duy trì sĩ số đạt 98,8%. Một em học sinh lớp 5 và 1 học sinh lớp 2 nghỉ học trong học kỳ I (Lý do: lớn tuổi chán học).
- Đã tổ chức thi Giáo viên CN giỏi cấp trường (7/7 giáo viên đạt loại giỏi – 1 GV được công nhận GVCNG cấp thị xã năm học 2021-2022)
- Tham gia tương đối tốt các hoạt động do nhà trường và các tổ chức phát động chào mừng các ngày lễ trong học kỳ I.

c. Học sinh:

- Đa số học sinh ngoan lễ phép và thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ của học sinh.
- Tham gia thi IOE cấp trường (có 3 em tham gia K3: 1 em; K5: 2 em)
- Đã tổ chức thi trạng nguyên Tiếng Việt vòng thi cấp trường (có 11 em tham gia thi. K1: 2 em; K2: 3 em; K3: 3 em; K4: 3 em)
- Học sinh hoàn thành tốt và hoàn thành chương trình học kỳ 1 đạt 85,5% cụ thể như sau:

Xếp loại chất lượng cuối học kỳ I khối 1,2 năm học 2022-2023

<i>I. Kết quả học tập</i>	Tổng số HS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3	
		Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %

1. Tiếng Việt	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	15	6	16,2	4	12,5	5	14,7
Hoàn thành	75	25	67,6	21	65,6	29	85,3
Chưa hoàn thành	13	6	16,2	7	21,9	0	0
2. Toán	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	16	7	18,9	3	9,4	6	17,6
Hoàn thành	79	24	64,9	27	84,4	28	82,4
Chưa hoàn thành	8	6	16,2	2	6,2	0	
3. Tiếng Anh	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	20	10	27,0	5	15,6	5	14,7
Hoàn thành	76	25	67,6	27	84,4	24	70,6
Chưa hoàn thành	7	2	5,4	0		5	14,7
4. Đạo đức	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	19	8	21,6	5	15,6	6	17,6
Hoàn thành	84	29	78,4	27	84,4	28	82,4
Chưa hoàn thành	0	0		0		0	
5. Tự nhiên và Xã hội	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	20	7	18,9	5	15,6	8	23,5
Hoàn thành	81	30	81,1	25	78,1	26	76,5
Chưa hoàn thành	2	0		2	6,3	0	
6. Âm nhạc	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	12	4	10,8	5	15,6	3	8,8
Hoàn thành	91	33	89,2	27	84,4	31	91,2
Chưa hoàn thành	0	0		0		0	
7. Mỹ thuật	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	16	7	18,9	3	9,4	6	17,6
Hoàn thành	86	30	81,1	29	90,6	27	79,4
Chưa hoàn thành	1	0		0		1	2,9
8. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	34					34	
Hoàn thành tốt	2					2	5,9
Hoàn thành	31					31	91,2
Chưa hoàn thành	1					1	2,9
9. Tin học và Công nghệ (Tin học)	34					34	
Hoàn thành tốt	5					5	14,7
Hoàn thành	29					29	85,3
Chưa hoàn thành	0					0	
10. Giáo dục thể chất	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	22	8	21,6	7	21,9	7	20,6
Hoàn thành	80	29	78,4	25	78,1	26	76,5
Chưa hoàn thành	1					1	2,9
11. Tiếng dân tộc	34					34	
Hoàn thành tốt	4					4	11,8

Hoàn thành	29					29	85,3
Chưa hoàn thành	1					1	2,9
14. Đọc sách	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	15	3	8,1	5	15,6	7	20,6
Hoàn thành	86	32	86,5	27	84,4	27	79,4
Chưa hoàn thành	2	2	5,4	0		0	
15. Hoạt động trải nghiệm	103	37		32		34	
Hoàn thành tốt	19	8	21,6	6	18,8	5	14,7
Hoàn thành	84	29	78,4	26	81,2	29	85,3
Chưa hoàn thành	0	0		0		0	
II. Năng lực cốt lõi							
1. Tự chủ và tự học	103	37		32		34	
Tốt	23	10	27,0	5	15,6	8	23,5
Đạt	74	27	73,0	21	65,6	26	76,5
Cần cố gắng	6	0		6	18,8	0	
2. Giao tiếp và hợp tác	103	37		32		34	
Tốt	24	9	24,3	7	21,9	8	23,5
Đạt	78	27	73,0	25	78,1	26	76,5
Cần cố gắng	1	1	2,7	0		0	
3. GVĐ và sáng tạo	103	37		32		34	
Tốt	18	7	18,9	4	12,5	7	20,6
Đạt	79	25	67,6	27	84,4	27	79,4
Cần cố gắng	6	5	13,5	1	3,1	0	
4. Ngôn ngữ	103	37		32		34	
Tốt	20	7	18,9	5	15,6	8	23,5
Đạt	76	29	78,4	21	65,6	26	76,5
Cần cố gắng	7	1	2,7	6	18,8	0	
5. Tính toán	103	37		32		34	
Tốt	18	8	21,6	4	12,5	6	17,6
Đạt	77	24	64,9	25	78,1	28	82,4
Cần cố gắng	8	5	13,5	3	9,4	0	
6. Khoa học	103	37		32		34	
Tốt	18	7	18,9	4	12,5	7	20,6
Đạt	80	27	73,0	26	81,2	27	79,4
Cần cố gắng	5	3	8,1	2	6,3	0	
7. Công nghệ	34					34	
Tốt	7					7	20,6
Đạt	27					27	79,4
Cần cố gắng	0					0	
8. Tin học	34					34	
Tốt	7					7	20,6
Đạt	27					27	79,4
Cần cố gắng	0					0	
9. Thẩm mỹ	103	37		32		34	

Tốt	16	7	18,9	3	9,4	6	17,6
Đạt	87	30	81,1	29	90,6	28	82,4
Cần cố gắng	0	0		0		0	
10. Thể chất	103	37		32		34	
Tốt	18	6	16,2	6	18,8	6	17,6
Đạt	85	31	83,8	26	81,2	28	82,4
Cần cố gắng	0	0		0		0	
III. Phẩm chất chủ yếu							
1. Yêu nước	103	37		32		34	
Tốt	26	6	16,2	6	18,8	14	41,2
Đạt	77	31	83,8	26	81,2	20	58,8
Cần cố gắng	0	0		0		0	
2. Nhân ái	103	37		32		34	
Tốt	22	6	16,2	5	15,6	11	32,4
Đạt	81	31	83,8	27	84,4	23	67,6
Cần cố gắng	0	0		0		0	
3. Chăm chỉ	103	37		32		34	
Tốt	23	6	16,2	6	18,8	11	32,4
Đạt	76	31	83,8	22	68,7	23	67,6
Cần cố gắng	4	0		4	12,5	0	
4. Trung thực	103	37		32		34	
Tốt	23	6	16,2	4	12,5	13	38,2
Đạt	80	31	83,8	28	87,5	21	61,8
Cần cố gắng	0	0		0		0	
5. Trách nhiệm	103	37		32		34	
Tốt	17	6	16,2	4	12,5	7	20,6
Đạt	86	31	83,8	28	87,5	27	79,4
Cần cố gắng	0	0		0		0	
IV. HS bỏ học HK	1	0		1	3,1	0	
+ Nguyên nhân khác	1	0		1		0	

Xếp loại chất lượng cuối học kì I khối 3, 4, 5 năm học 2022-2023

I. Kết quả học tập	Tổng số HS	Lớp 4		Lớp 5	
		Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
1. Tiếng Việt	69	37		32	
Hoàn thành tốt	8	2	5,4	6	18,7
Hoàn thành	57	34	91,9	23	71,9
Chưa hoàn thành	4	1	2,7	3	9,4
2. Toán	69	37		32	
Hoàn thành tốt	5	1	2,7	4	12,5
Hoàn thành	60	35	94,6	25	78,1

Chưa hoàn thành	4	1	2,7	3	9,4
3. Khoa học	69	37		32	
Hoàn thành tốt	8	3	8,1	5	15,6
Hoàn thành	61	34	91,9	27	84,4
Chưa hoàn thành	0	0		0	
4. Lịch sử và Địa lí	69	37		32	
Hoàn thành tốt	10	1	2,7	9	28,1
Hoàn thành	58	35	94,6	23	71,9
Chưa hoàn thành	1	1	2,7	0	
5. Tiếng Anh	69	37		32	
Hoàn thành tốt	7	4	10,8	3	9,4
Hoàn thành	58	32	86,5	26	81,2
Chưa hoàn thành	4	1	2,7	3	9,4
6. Đạo đức	69	37		32	
Hoàn thành tốt	26	14	37,8	12	37,5
Hoàn thành	43	23	63,2	20	62,5
Chưa hoàn thành	0	0		0	
7. Âm nhạc	69	37		32	
Hoàn thành tốt	7	4	10,8	3	9,4
Hoàn thành	62	33	89,2	29	90,6
Chưa hoàn thành	0	0		0	
8. Mĩ thuật	69	37		32	
Hoàn thành tốt	24	12	32,4	12	37,5
Hoàn thành	44	24	64,9	20	62,5
Chưa hoàn thành	1	1	2,7	0	
9. Thủ công, Kỹ thuật	69	37		32	
Hoàn thành tốt	15	4	10,8	11	34,4
Hoàn thành	53	32	86,5	21	65,6
Chưa hoàn thành	1	1	2,7	0	
10. Thể dục	69	37		32	
Hoàn thành tốt	12	10	27,0	2	6,3
Hoàn thành	57	27	73,0	30	93,7
Chưa hoàn thành	0	0		0	
11. Tiếng dân tộc	69	37		32	
Hoàn thành tốt	8	4	10,8	4	12,5
Hoàn thành	57	31	83,8	26	81,3
Chưa hoàn thành	4	2	5,4	2	6,2
14. Đọc sách	69	37		32	
Hoàn thành tốt	21	9	24,3	12	37,5
Hoàn thành	48	28	75,7	20	62,5
Chưa hoàn thành	0	0		0	
II. Năng lực					
1. Tự phục vụ, tự quản	69	37		32	
Tốt	29	12	32,4	17	53,1

Đạt	40	25	67,6	15	46,9
Cần cố gắng	0	0		0	
2. Hợp tác	69	37		32	
Tốt	27	12	32,4	15	46,9
Đạt	42	25	67,6	17	53,1
Cần cố gắng	0	0		0	
3. Tự học và giải quyết VĐ	69	37		32	
Tốt	17	12	32,4	5	15,6
Đạt	47	25	67,6	22	68,8
Cần cố gắng	5	0		5	15,6
III. Phẩm chất					
1. Chăm học chăm làm	69	37		32	
Tốt	15	12	32,4	3	9,4
Đạt	49	25	67,6	24	75,0
Cần cố gắng	5	0		5	15,6
2. Tự tin trách nhiệm	69	37		32	
Tốt	37	12	32,4	25	78,1
Đạt	32	25	67,6	7	21,9
Cần cố gắng	0	0		0	
3. Trung thực, kỷ luật	69	37		32	
Tốt	39	12	32,4	27	84,4
Đạt	30	25	67,6	5	15,6
Cần cố gắng	0	0		0	
4. Đoàn kết, yêu thương	69	37		32	
Tốt	39	12	32,4	27	84,4
Đạt	30	25	67,6	5	15,6
Cần cố gắng	0	0		0	
VI. HS bỏ học HKI	1	0		1	
+ Hoàn cảnh GDKK	0	0		0	
+ Nguyên nhân khác	1	0		1	3,1

d. Hoạt động của các đoàn thể: Công đoàn, đoàn thanh niên, đội thiếu niên

- Về cơ bản thực hiện tốt vai trò của mình trong các hoạt động nhằm hỗ trợ việc nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

- Đã tổ chức được các hoạt động cho giáo viên – học sinh nhân dịp các ngày lễ, như: 20/10, 20/11.

- Tham mưu tốt với BGH trong việc xây dựng kế hoạch nhiệm vụ tháng, học kỳ, năm học. Kết hợp với nhà trường tổ chức tốt Lễ khai giảng năm học 2022- 2023, hội nghị CNVC.

2. Tồn tại :

a. tổ khối:

- Công tác chỉ đạo việc báo cáo 2 chiều nhiều khi chưa đúng thời gian quy định vì có một số giáo viên và Tổ khối trưởng phải đi chữa bệnh.

b. Giáo viên:

- Một vài đồng chí chưa chú trọng nhiều vào việc đầu tư hồ sơ cá nhân của mình.
- Một số giáo viên đưa KHBD lên Vnedu chưa kịp thời.
- Chưa gửi bài giảng điện tử lên Website của nhà trường.

d. Học sinh:

- Một số học sinh chưa chuyên cần trong việc đi học buổi chiều.
- Học sinh chưa hoàn thành chương trình học kì 1 còn cao (14,5%).

đ. Các đoàn thể:

- Đã phát huy hết khả năng của mình trong việc tham mưu, kết hợp cùng nhà trường tổ chức các hoạt động của nhà trường.

II. KẾ HOẠCH HỌC KỲ II

1. Về Tư tưởng chính trị:

- Tiếp tục thực hiện các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục. “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo; tăng cường nề nếp, kỷ cương và chất lượng; hiệu quả trong công tác giáo dục. Khuyến khích sự sáng tạo và đề cao vai trò của giáo viên, cán bộ quản lý.

- Thi đua lập thành tích mừng Đảng, mừng xuân và các ngày lễ lớn: 3/2; 12/3; 30/4; 1/5; 15/5; 1/6...

- Tiếp tục tăng cường giáo dục đạo đức học sinh, và tư tưởng – chính trị cho CB – GV trong trường.

- Học sinh rèn luyện và thực hiện theo 5 điều Bác Hồ dạy - xứng đáng con ngoan trò giỏi - đội viên tốt.

- Tích cực xây dựng trường học thân thiện

2. Công Tác Chuyên môn:

Tiếp tục thực hiện chủ đề năm học 2022-2023 là “Đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”.

- Thực hiện hương trình dạy học trong học kỳ II bắt đầu từ ngày 09/01/2023 và kết thúc học kỳ II ngày 20/5/2023.

- Khối 1, 2, 3 thực hiện dạy học trương trình các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- Khối lớp 4, 5 thực hiện dạy học đủ tiết theo chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Quyết định 16/2006/QĐ - BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông) mà Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định với thời lượng 32 tiết/tuần.

- Kiểm tra sách vở, đồ dùng học tập của các em học sinh ngay đầu học kỳ.

- Các khối lớp thực Kế hoạch dạy học các môn học đã xây dựng ngay từ đầu năm học và Kế hoạch điều chỉnh KHDH của tuần 20, 21, 22 đã được BGH phê duyệt.

- Soạn giảng đúng chương trình có chất lượng đảm bảo theo yêu cầu chuẩn kiến thức và kỹ năng theo tinh thần đổi mới của Bộ GD-ĐT. Có kế hoạch cụ thể kịp thời nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, giảm tối thiểu tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

- Tiếp tục thực hiện dạy lồng ghép, tích hợp các nội dung đã được triển khai ở học kì 1.

- Tiếp tục thực hiện đánh giá học sinh đúng theo thông tư TT 22/2016/BGD (Đối với lớp 4,5) và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT (Đối với lớp 1,2,3).

- Đảm bảo duy trì sĩ số, ổn định và duy trì các nề nếp dạy và học.

- Thường xuyên nhận xét chữa bài, rèn chữ cho học sinh đầy đủ, chính xác.

- Tiếp tục phụ đạo học sinh chưa hoàn thành môn học.

- Tiếp tục mở chuyên đề cấp tổ.

- Tham gia đầy đủ các cuộc thi do PGD và các cấp tổ chức

- Kiểm tra định kỳ cho học sinh đúng theo lịch.

- Kiểm tra giữa kì đối với lớp 4, 5. (Toán – Tiếng Việt)

- Tập trung nâng cao chất lượng đại trà.

- Thường xuyên dự giờ thăm lớp theo định kỳ, đột xuất.

- Đón đoàn kiểm tra chuyên môn của PGD (Tháng 3)

- Kiểm tra hồ sơ định kỳ, cuối năm học.

- HS tham gia thi sân chơi “Trạng Nguyên Tiếng Việt” cấp thị xã. (Tháng 2)

- Tham gia thi GVĐG cấp thị xã. (Theo KH của PGD)

- Tổ chức cho HS tham quan trải nghiệm tại Đồi thông Buôn Tring và chơi các trò chơi dân gian (Tháng 3)

- Tổ chức Ngày Hội đọc sách

- Đón đoàn phúc tra thi đua cuối năm học.

- Tổng kết năm học

3. Công tác khác:

- Thư viện có kế hoạch cho giáo viên - học sinh trả và mượn lại sách phục vụ tốt cho việc dạy – học ở kỳ II.

- Thực hiện thông tin báo cáo chính xác, đúng thời gian quy định.
- Phối hợp với Công Đoàn, Đội TN, xây dựng kế hoạch cụ thể, phát huy vai trò của tổ chức mình cùng với nhà trường đưa chất lượng GD ngày càng đi lên, thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra. Làm tốt công tác xã hội hóa GD,

4. Chỉ Tiêu Thi Đua:

a. Giáo viên:

- Chấp hành ngày, giờ công: lên lớp, hội họp: 100%
- Hồ sơ, Kế hoạch dạy học soạn kịp thời, đầy đủ, chất lượng (thực hiện đầy đủ quy chế của chuyên môn): 100%
- Công tác chủ nhiệm lớp xếp loại tốt: 100%
- Mượn và sử dụng đồ dùng có hiệu quả: 100%
- Tham gia đầy đủ các phong trào chung của nhà trường: 100%
- Dạy học có ứng dụng CNTT: 100%
- Tham gia các hội thi do nhà trường và PGD tổ chức: 100%

b. Học sinh:

- Tiếp tục duy trì sĩ số HS: 100%
- Chỉ tiêu chất lượng học kì II năm học 2022 - 2023:

Môn học và HĐGD	Chỉ tiêu cuối năm học 2022-2023 (Khối 1)						
	Tổng số	HT Tốt	Tỉ lệ %	HT	Tỉ lệ %	CHT	Tỉ lệ %
Tiếng việt	37	4	11%	30	81%	3	8%
Toán	37	5	14%	29	78%	3	8%
TNXH	37	5	14%	32	86%	0	0%
Ngoại ngữ 1	37	4	11%	33	89%	0	0%
Đạo đức	37	6	16%	27	73%	4	11%
Âm nhạc.	37	4	11%	33	89%	0	0%
Mĩ thuật	37	4	11%	33	89%	0	0%
GDTC	37	8	22%	29	78%	0	0%
HĐNGLL	37	100% học sinh tham gia					

Môn học và HĐGD	Chỉ tiêu cuối năm học 2022-2023 (Khối 2)						
	Tổng số	HT Tốt	Tỉ lệ %	HT	Tỉ lệ %	CHT	Tỉ lệ %
Tiếng việt	32	3	9%	26	81%	3	9%
Toán	32	4	13%	25	78%	3	9%
TNXH	32	4	13%	26	81%	2	6%

Ngoại ngữ 1	32	3	9%	27	84%	2	6%
Đạo đức	32	4	13%	27	84%	1	3%
Âm nhạc.	32	4	13%	28	88%	0	0%
Mĩ thuật	32	3	9%	29	91%	0	0%
GDTC	32	4	13%	28	88%	0	0%
HĐNGLL	32	100% học sinh tham gia					

Môn học và HĐGD	Chỉ tiêu cuối năm học 2022-2023 (Khối 3)						
	Tổng số	HT Tốt	Tỉ lệ %	HT	Tỉ lệ %	CHT	Tỉ lệ %
Tiếng việt	33	4	12%	26	79%	3	9%
Toán	33	4	12%	26	79%	3	9%
TNXH	33	4	12%	29	88%	0	0%
Ngoại ngữ	33	4	12%	28	85%	1	3%
Đạo đức	33	5	15%	28	85%	0	0%
Âm nhạc.	33	5	15%	28	85%	0	0%
Tin học-CN	33	4	12%	29	88%	0	0%
Mĩ thuật	33	6	18%	27	82%	0	0%
Thẻ đục/GDTC	33	6	18%	27	82%	0	0%
Tiếng Dân tộc	33	4	12%	27	82%	2	6%
HĐNGLL	33	100% học sinh tham gia					

Môn học và HĐGD	Chỉ tiêu cuối năm học 2022-2023 (Khối 4)						
	Tổng số	HT Tốt	Tỉ lệ %	HT	Tỉ lệ %	CHT	Tỉ lệ %
Tiếng việt	37	4	10.81%	31	83.78%	2	5.41%
Toán	37	4	10.81%	32	86.49%	1	2.70%
Khoa học	37	6	16.22%	28	75.68%	3	8.11%
LS-ĐL	37	6	16.22%	31	83.78%	0	0.00%
Ngoại ngữ	37	6	16.22%	29	78.38%	2	5.41%
Đạo đức	37	7	18.92%	30	81.08%	0	0.00%
Âm nhạc.	37	5	13.51%	32	86.49%	0	0.00%
Kĩ thuật (TC)	37	8	21.62%	29	78.38%	0	0.00%
Mĩ thuật	37	9	24.32%	28	75.68%	0	0.00%
Thẻ đục/GDTC	37	8	21.62%	29	78.38%	0	0.00%
Tiếng Dân tộc	37	4	10.81%	31	83.78%	2	5.41%
HĐNGLL	37	100% học sinh tham gia					

Chỉ tiêu cuối năm học 2022-20223 (Khối 5)							
---	--	--	--	--	--	--	--

Môn học và HDGD								
	Tổng số	HT Tốt	Tỉ lệ %	HT	Tỉ lệ %	CHT	Tỉ lệ %	
Tiếng việt	32	8	25%	24	75%	0	0%	
Toán	32	9	28%	23	72%	0	0%	
Khoa học	32	5	16%	27	84%	0	0%	
LS-ĐL	32	10	31%	22	69%	0	0%	
Ngoại ngữ	32	3	9%	29	91%	0	0%	
Đạo đức	32	10	31%	22	69%	0	0%	
Âm nhạc.	32	4	13%	28	88%	0	0%	
Kĩ thuật (TC)	32	4	13%	28	88%	0	0%	
Mĩ thuật	32	5	16%	27	84%	0	0%	
Thể dục/GDTC	32	4	13%	28	88%	0	0%	
Tiếng Dân tộc	32	4	13%	28	88%	0	0%	
HĐNGLL	32	100% học sinh tham gia						

Đăng ký năng lực học sinh lớp 1, 2, 3 HK 2

LỚP	Tổng	Tự chủ và tự học			Giao tiếp và hợp tác			GQVĐ và sáng tạo			Ngôn ngữ			Tính toán		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
1A1	19	2	15	2	3	15	1	2	15	2	2	16	1	3	14	2
1A2	18	2	14	2	3	14	1	3	14	1	3	14	1	3	14	1
2A	33	4	26	3	4	26	3	4	26	3	3	27	3	3	27	3
3A	33	3	28	0	3	26	2	3	26	2	3	26	2	4	25	2
CỘNG	103	11	83	7	13	81	7	12	81	8	11	83	7	13	80	8
LỚP	Tổng	Khoa học			Thẩm mĩ			Thể chất								
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG						
1A1	19	2	17	0	4	15	0	8	11	0						
1A2	18	3	15	0	3	18	0	7	11	0						
2A	33	4	27	2	4	27	2	5	28	0						
3A	33	4	29	0	7	26	0	7	26	0						
CỘNG	103	13	88	2	18	86	2	27	76	0						

Đăng ký Phẩm chất học sinh lớp 1, 2, 3 HK 2

LỚP	Tổng	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
1A1	19	5	14	0	7	12	0	4	15	0	7	12	0	5	14	0
1A2	18	4	14	0	8	10	0	4	14	0	8	10	0	8	10	0

2A	33	10	23	0	10	23	0	4	26	3	10	23	0	8	25	0
3A	33	5	28	0	5	28	0	4	28	1	7	26	0	5	28	0
CỘNG	103	24	79	0	30	73	0	16	83	4	32	71	0	26	77	0

Đăng ký năng lực, phẩm chất học sinh lớp 4, 5 HK 2

Lớp	Tổng số HS	Năng lực									Phẩm chất											
		Tự phục vụ tự quản			Hợp tác			Tự học, QVĐ			C.học, chăm làm			Tự tin, T. nhiệm			Trung thực kỉ luật			Đ. Kết, yêu thương		
		T	Đ	CCG	T	Đ	CCG	T	Đ	CCG	T	Đ	CCG	T	Đ	CCG	T	Đ	CCG	T	Đ	CCG
4A1	19	5	14	0	5	14	0	5	14	0	5	14	0	5	14	0	5	14	0	5	14	0
4A2	18	5	13	0	5	13	0	5	13	0	5	13	0	5	13	0	8	10	0	10	8	0
5A	32	15	17	0	15	18	0	15	17	0	15	17	0	16	16	0	17	15	0	19	13	0
Tổng	171	25	44	0	25	44	0	25	44	0	25	44	0	26	43	0	30	39	0	34	35	0

5. Biện pháp:

- Quán triệt kịp thời các văn bản, hướng dẫn cho giáo viên và học sinh nắm bắt cùng phối hợp thực hiện.

- Động viên anh chị em giáo viên và học sinh thực hiện tốt kế hoạch đề ra đạt hiệu quả cao.

- Ý thức cao trong việc giữ gìn nề nếp, truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng tốt môi trường giáo dục thân thiện.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các công việc đã phân công.

Trên đây là kế hoạch hoạt động chuyên môn học kì II năm học 2022 - 2023 của trường TH Ama Khê. Tập thể giáo viên trường tiểu học Ama Khê cùng nhau quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (b/c);
- GV toàn trường (t/h);
- Lưu CM, VT./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Xuân Hoa